

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HƯNG YÊN
TỈNH HƯNG YÊN**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 20/2021/HSST

Ngày 17/6/2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HƯNG YÊN

Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Quang Lịch.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Hệ - Cán bộ hưu phòng L.

2. Ông Vũ Văn Hạnh - Cán bộ hưu phòng A.

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Vũ Thị Thu Giang – Cán bộ Tòa án.

Đại diện VKSND thành phố Hưng Yên tham gia phiên Tòa: Bà Đào N Dung –
Kiểm sát viên.

Ngày 17/6/2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên mở phiên tòa công khai, để xét xử vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 20/2021/HSST, ngày 31 tháng 5 năm 2021 và theo quyết định xét xử số 19/2021/QĐXXST – HS, ngày 03 tháng 6 năm 2021 của TAND thành phố Hưng Yên đối với bị cáo:

Nguyễn Công T (tên gọi khác: Không), sinh năm 1988, giới tính: Nam, nơi cư trú: Huyện Q, tỉnh Thái Bình. Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 9/12; Con ông Nguyễn Công T1, sinh năm 1962, con bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1962; gia đình bị cáo có 3 anh em, bị cáo là thứ 3; Vợ Vũ Thị T, sinh năm 1989; bị cáo có 02 con. Con lớn sinh năm 2010. Con nhỏ sinh năm 2013.

Tiền án:

- Tại Bản án số 50/2017/HSST ngày 05/7/2017 của Tòa án nhân dân huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương và Bản án số 71/2017/HSPT ngày 31/8/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương, T bị xử phạt 11 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản.

- Tại Bản án số 36/2017/HSST ngày 10/8/2017 của Tòa án nhân dân huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương, T bị xử phạt 10 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản.

- Tại Bản án số 31/2017/HSST ngày 11/8/2017 của Tòa án nhân dân huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương, T bị xử phạt 09 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản.

- Tại Bản án số 53/2017HSST ngày 26/12/2017 của Tòa án nhân dân huyện Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên, T bị xử phạt 01 năm 03 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản. Tổng hợp hình phạt tại Bản án số 36/2017/HSST ngày 10/8/2017 của Tòa án nhân dân huyện Bình Giang và Bản án số 31/2017/HSST ngày 11/8/2017 của Tòa án nhân dân huyện Ninh Giang, Bản án số 71/2017/HSPT ngày 31/8/2017 của TAND tỉnh Hải Dương. T phải chấp hành 03 năm 09 tháng tù. T chấp hành xong hình phạt tù ngày 17/3/2020.

Tiền sự: Không.

Nhân thân:

- Ngày 29/7/2008 bị TAND thị xã Đông Hà, tỉnh Quảng Trị xử phạt 09 tháng tù giam về tội Trộm cắp tài sản. Ngày 17/12/2008 chấp hành xong.

- Ngày 13/7/2016 bị TAND tỉnh Quảng Ninh xử phạt 06 tháng tù treo về tội “Vi phạm các quy định về khai thác tài nguyên”. Theo quy định tại khoản 3 Điều 7, Điều 227 BLHS và Nghị quyết số 41 ngày 20/6/2017 thì T được miễn hình phạt, đương nhiên được xóa án tích.

Hiện bị cáo đang bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 31/3/2021, tại Nhà tạm giữ - Công an thành phố Hưng Yên

– Có mặt tại phiên Tòa.

Người bị hại: Chị Dương Thị N1, sinh năm 1972 – Vắng mặt không có lý do.

Nơi cư trú: Xã H, thành phố Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Anh Hoàng Văn N2, sinh năm 1983.

Nơi cư trú: huyện Q, tỉnh Thái Bình.

– Vắng mặt tại phiên Tòa có lý do (Đề nghị xét xử vắng mặt).

Người làm chứng:

1. Anh Bùi Đình V, sinh năm 1977. – Vắng mặt tại phiên Tòa có lý do.

Nơi cư trú: huyện N, tỉnh Hải Dương.

2. Chị Dương Thị L, sinh năm 1983.

Nơi cư trú: Xã H2, thành phố Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên.

3. Chị Trịnh Thị N, sinh năm 1987.

4. Anh Đình Văn Q, sinh năm 1977.

Cùng nơi cư trú: huyện Q, tỉnh Thái Bình.

5. Anh Đỗ Đình N, sinh năm 1989.

Nơi cư trú: huyện N, tỉnh Hải Dương.

– Đề nghị vắng mặt tại phiên Tòa không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên Tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Khoảng 11 giờ 30 phút ngày 27/8/2020, Đỗ Đình N sinh năm 1989, HKTT: huyện N, tỉnh Hải Dương. cùng Nguyễn Công T sinh năm 1988, HKTT: Huyện Q, tỉnh Thái Bình cùng rủ nhau sang thành phố Hưng Yên

xem ai có sơ hở gì thì trộm cắp tài sản. N chở T bằng xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave màu trắng (chưa rõ biển kiểm soát) của T đi từ huyện Q, tỉnh Thái Bình đến khu vực xã H, thành phố Hưng Yên. Khi đi đến quán tạp hóa của chị Dương Thị L, sinh năm 1983 ở xã H, thành phố Hưng Yên thì phát hiện thấy có 01 chiếc xe máy nhãn hiệu Honda Wave anpha, màu xanh, biển số 89B1 - 833.67 của chị Dương Thị N1 sinh năm 1972, trú tại: xã H, thành phố Hưng Yên đang dựng ở phía trước cửa quán, trên xe vẫn còn cắm chìa khóa ở ổ khóa điện. N và T liền đi vào quán tạp hóa ngồi ăn kem, khi thấy chủ xe và chủ quán nói chuyện với nhau không để ý đến chiếc xe, T đi ra ngoài, ngồi lên xe máy, dùng tay phải mở ổ khóa điện và dùng chân trái nhấn cần số của xe về số 1, rồi đi vào chỗ N ngồi và nói với N “*chỉ việc đề là nổ*”. Sau đó, N đi ra chỗ chiếc xe máy của chị N1, đề nổ và điều khiển chiếc xe trên bỏ chạy về Thái Bình. Còn T điều khiển chiếc xe mô tô của T đi theo N. Khi đi đến khu vực đê thuộc huyện Q, tỉnh Thái Bình thì dừng lại, T cầm chiếc giá đỡ hàng từ xe của chị N1 sang xe của T và kiểm tra bên trong cốp xe thì thấy có 01 đăng ký xe mang tên chị Dương Thị N1 nên T và N tiếp tục điều khiển xe đi về Thái Bình. Do chiếc giá đỡ hàng công kênh nên khi đi được một đoạn thì T đã đưa chiếc giá trên cho một người đi đường (không biết tên, tuổi địa chỉ). Khi đi đến khu vực chân cầu H thuộc Huyện Q, tỉnh Thái Bình thì T bảo N đứng chờ, còn T một mình đi đến nhà anh Bùi Đình V sinh năm 1977 ở huyện Q, tỉnh Thái Bình mượn điện thoại của anh V và gọi cho anh Hoàng Văn N2 sinh năm 1983, trú tại: huyện Q, tỉnh Thái Bình hẹn ra quán cà phê Hula Tea ở chân cầu H để bán chiếc xe mô tô của chị N1. Khoảng 10 phút sau, anh Hoàng Văn N2 đến, T và N thỏa thuận bán chiếc xe trên cho anh Hoàng Văn N2 với số tiền 4.000.000 đồng. Anh Hoàng Văn N2 kiểm tra bên trong ví có 3.110.000 đồng thì T và N cũng đồng ý bán chiếc xe trên cho anh Hoàng Văn N2 với số tiền 3.110.000 đồng. Sau khi nhận tiền, T đưa cho anh Hoàng Văn N2 đăng ký xe mô tô. Sau đó, T và N đã cùng nhau tiêu xài hết số tiền trên. Ngày 15/9/2020, chị N1 đến Công an xã H, thành phố Hưng Yên trình báo về việc mất chiếc xe mô tô nêu trên.

Sau khi thực hiện hành vi trộm cắp chiếc xe mô tô trên của chị Dương Thị N1 vào ngày 27/8/2020 tại xã H, thành phố Hưng Yên đến ngày 24/9/2020, Đỗ Đình N và Nguyễn Công T cướp giật tài sản là chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO F9 của chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1984 trú tại huyện N, tỉnh Hải Dương. Và ngày 23/10/2020, Đỗ Đình N cùng Nguyễn Công T tiếp tục trộm cắp 01 chiếc lồng bên trong có 01 con chim Cu gáy có tổng trị giá 1.195.000 đồng của anh Nguyễn Thanh C sinh năm 1977 ở Huyện N, tỉnh Hải Dương. Đến ngày 28/10/2020, N đến Công an huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương đầu thú và bị tạm giam tại Trại tạm giam Kim Chi - Công an tỉnh Hải Dương. Còn T bỏ trốn khỏi địa phương nên Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an thành phố Hưng Yên

đã ra lệnh truy nã đối với T. Ngày 31/3/2021 T đến đầu thú tại Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương. Đến ngày 03/4/2021 Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an thành phố Hưng Yên tiếp nhận bị can T và ra Quyết định đình nã đối với T. Ngày 28/5/2021 Đỗ Đình N và Nguyễn Công T bị Viện kiểm sát nhân dân huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương truy tố về tội Cướp giật tài sản và Trộm cắp tài sản.

Kết luận định giá tài sản kèm theo Biên bản định giá tài sản số 30/BB - HĐĐG ngày 28/9/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự thành phố Hưng Yên kết luận: 01 xe máy nhãn hiệu Honda Wave, màu sơn xanh - đen - bạc, biển số 89B1 - 833.67, đăng ký lần đầu năm 2019 trị giá 14.232.000 đồng.

Đối với chiếc giá đèn hàng bằng kim loại màu đen, đã qua sử dụng, do không xác định được trọng lượng, không thu được tang vật. Bị hại là chị Dương Thị N1 trình bày chiếc giá chở hàng bằng kim loại chị đã mua từ lâu, không nhớ đặc điểm, mua của ai và bao nhiêu tiền. Chiếc giá đã bị han rỉ, chị N1 định tháo ra bỏ đi vì không còn giá trị sử dụng, nhưng chưa kịp tháo thì bị mất cắp. Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự thành phố Hưng Yên đã từ chối thực hiện định giá tài sản theo Yêu cầu. Lý do từ chối định giá tài sản là: Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an thành phố Hưng Yên không thu được tang vật, không xác định được trọng lượng, kích thước, chủng loại kim loại để làm giá đèn hàng và không xác định được thời điểm sử dụng, do vậy Hội đồng định giá không có cơ sở để xác định được giá trị thiệt hại của tài sản cần định giá.

Vật chứng thu giữ: Ngày 21/9/2020, anh Hoàng Văn N2 giao nộp 01 xe moto nhãn hiệu Wave, màu sơn xanh đen bạc, biển kiểm soát 89B1-833.67; 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe moto, xe máy mang tên Dương Thị N1.

Về trách nhiệm dân sự: Ngày 28/12/2020, Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an thành phố Hưng Yên trả lại chị Dương Thị N1 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave, màu sơn xanh - đen - bạc, biển số 89B1 - 833.67 và 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy đối với chiếc xe trên. Chị N1 nhận lại tài sản và không yêu cầu, đề nghị gì khác liên quan đến trách nhiệm dân sự trong vụ việc trên.

Đối với số tiền 3.110.000 đồng anh Hoàng Văn N2 đã đưa cho T và N để mua chiếc xe mô tô trên. Quá trình điều tra, anh Hoàng Văn N2 không yêu cầu T, N phải trả lại số tiền trên.

Ngày 27/8/2020, anh Bùi Đình V cho bị cáo T mượn điện thoại gọi điện cho anh Hoàng Văn N2, anh V không biết cụ thể nội dung trao đổi giữa T và anh N nên không có căn cứ xử lý.

Đối với hành vi của anh Hoàng Văn N2 mua chiếc xe mô tô biển số 89B1 – 833.67 của T, N. Quá trình điều tra, N khai khi bán chiếc xe trên cho anh

Hoàng Văn N2, anh N có hỏi về nguồn gốc chiếc xe thì N có nói là xe do trộm cắp mà có. Còn T khai nhận khi bán xe cho anh N thì T không nói cho anh N biết chiếc xe trên là do T và N trộm cắp ở bên Hưng Yên mà chỉ nói chiếc xe trên có giấy tờ xe. Đồng thời, anh Hoàng Văn N2 trình bày là không biết chiếc xe trên là do T và N trộm cắp mà có. Cơ quan đã tiến hành đối chất giữa anh Hoàng Văn N2 và bị can N nhưng các bên đều giữ nguyên nội dung khai. Do đó, không có căn cứ để xử lý đối với Hoàng Văn N2.

Quá trình điều tra, Nguyễn Công T thành khẩn khai báo toàn bộ hành vi phạm tội như nêu trên

Tại bản cáo trạng số 21/CT-VKS- TPHY ngày 31/5/2021, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên đã truy tố bị cáo Nguyễn Công T ra trước Tòa án nhân dân thành phố Hưng Yên để xét xử về tội “ Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa hôm nay: Bị cáo Nguyễn Công T đã ăn năn hối cải thành khẩn khai nhận rõ hành vi phạm tội của mình và đề nghị hội đồng xét xử cho bị cáo được hưởng mức án thấp nhất để bị cáo cải tạo tốt sớm trở về với gia đình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên, giữ nguyên quan điểm như bản cáo trạng đã truy tố, đồng thời đề nghị HĐXX:

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Công T phạm tội " Trộm cắp tài sản".

- Căn cứ: Khoản 1 Điều 173; điểm h khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51- BLHS; khoản 2 Điều 136 - BLTTHS và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, về mức án phí Tòa án.

- Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Công T 02 năm đến 02 năm 03 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị bắt tạm giam.

- Miễn áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

- Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu đề nghị gì về phân trách nhiệm dân sự đối với bị cáo, nên không đặt ra xem xét giải quyết.

- Về vật chứng: Đối với chiếc xe máy của T dùng làm phương tiện để đi trộm cắp không thu giữ được do bị cáo T đã bán đi được 500.000đ. Do vậy cần phải truy thu số tiền này của bị cáo để sung công quỹ nhà nước.

- Về án phí: buộc bị cáo Nguyễn Công T phải chịu tiền án phí HSST.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên Tòa. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng trong điều tra, truy tố, xét xử: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Hưng Yên, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hưng Yên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự,

thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về phân tích những chứng cứ xác định tội danh:

Lời khai nhận tội của bị cáo Nguyễn Công T tại phiên Tòa hôm nay hoàn toàn phù hợp với chính lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra và phù hợp với lời khai của người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng. Phù hợp vật chứng đã thu giữ được là chiếc xe máy nhãn hiệu Honda Wave anpha, màu xanh, biển số 89B1 - 833.67 của chị Dương Thị N1 và phù hợp với bản kết luận định giá tài sản là chiếc xe máy mà bị cáo cùng N đã trộm cắp của chị N1. Ngoài ra lời khai của bị cáo còn phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Nên Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hưng Yên đã truy tố ra trước Toà án nhân dân Thành phố Hưng Yên để xét xử bị cáo Nguyễn Công T về tội " Trộm cắp tài sản" quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự, là đúng quy định của pháp luật không oan sai.

Xét hành vi phạm tội của bị cáo Nguyễn Công T là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ; gây bất bình và sự lo lắng cho người dân tại địa phương trong việc làm ăn, bảo vệ tài sản thuộc sở hữu hợp pháp của mình. Bị cáo đã được nhà nước giáo dục nhiều lần bằng hình phạt tù về tội trộm cắp tài sản và tội khác, nhưng bị cáo vẫn không chịu cải tạo mà tiếp tục phạm tội. Bị cáo là người khởi xướng rủ N và dùng xe máy của mình đi trộm cắp tài sản. Vì vậy, cần phải xét xử bị cáo một mức hình phạt tương ứng với tính chất, mức độ nguy hiểm mà bị cáo đã gây ra, đồng thời cho cách ly khỏi đời sống xã hội một thời gian để cải tạo, giáo dục đối với bị cáo và làm bài học răn đe, phòng ngừa tội phạm chung.

[3] Tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ TNHS:

- *Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:* Quá trình điều tra và tại phiên Tòa bị cáo T đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; Sau khi thực hiện hành vi trộm cắp tài sản bị cáo bỏ trốn và bị truy nã, ngày 31/3/2021 bị cáo đã đến cơ quan Công an huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương để đầu thú,, nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

- *Về Tình tiết tăng nặng TNHS:* Do bị cáo đã bị kết án chưa được xóa án tích mà lại tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội do cố ý, nên bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là tái phạm, quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

[4] *Về hình phạt bổ sung*: Bị cáo lao động tự do, thu nhập không ổn định, các con còn nhỏ, không có tài sản gì mà sống tại nhà bố mẹ đẻ, nên không áp dụng hình phạt tiền đối với bị cáo.

[5] *Về trách nhiệm dân sự*: Chị Dương Thị N1 đã nhận lại tài sản là chiếc xe máy nhãn hiệu Honda Wave anpha, màu xanh, biển số 89B1 - 833.67 và không có yêu cầu, đề nghị gì về trách nhiệm dân sự đối với bị cáo. Anh N2 người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không yêu cầu bị cáo phải trả lại anh số tiền 3.110.000 đồng tiền mà anh đã bỏ ra mua chiếc xe máy, nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[6] *Về biện pháp tư pháp*: Căn cứ điểm a, b khoản 1 Điều 47 – BLHS; điểm a, b khoản 2 điều 106 – BLTTHS.

Về vật chứng: Đối với chiếc xe máy của T dùng làm phương tiện để đi trộm cắp không thu giữ được do bị cáo T đã bán đi được 500.000đ. Do vậy cần phải truy thu số tiền này của bị cáo để sung công quỹ nhà nước.

Anh N2 người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không yêu cầu bị cáo và N phải trả lại anh số tiền 3.110.000 đồng tiền mà anh đã bỏ ra mua chiếc xe máy. Đây là số tiền bị cáo T và Đỗ Đình N được hưởng do phạm tội mà có, nên cần truy thu để sung công quỹ nhà nước, nhưng tại bản án số 17/2021/HSST ngày 10/6/2021 của TAND thành phố Hưng Yên xét xử đối với Đỗ Đình N, thì N đã tự nguyện nhận trách nhiệm và quyết định của bản án này đã tuyên truy thu của N số tiền trên. Do đó bị cáo T không bị truy thu nữa.

[7] *Về án phí*: Buộc bị cáo Nguyễn Công T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 điều 136 - BLTTHS và nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 về mức án phí Tòa án.

[8] *Về quyền kháng cáo*: Bị cáo Nguyễn Công T và người bị hại, cùng người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

1. *Căn cứ*: Khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; điểm a, b khoản 1 Điều 47 – BLHS; điểm a, b khoản 2 Điều 106; khoản 2 Điều 136 - BLTTHS và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, về mức án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Công T phạm tội " Trộm cắp tài sản".

2. *Về hình phạt*:

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Công T 02 (Hai) năm 03 (Ba) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 31/3/2021.

- Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

3. *Về trách nhiệm dân sự*: Không đặt ra xem xét giải quyết.

4. *Về biện pháp tư pháp:* Truy thu 500.000đ của bị cáo T, để sung công quỹ nhà nước.

5. *Về án phí:* Buộc bị cáo Nguyễn Công T phải chịu 200.000đ tiền án phí HSST.

6. *Về quyền kháng cáo:* Bị cáo Nguyễn Công T có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Người bị hại chị Dương Thị N1 và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Hoàng Văn N2 vắng mặt tại phiên Tòa, được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc ngày niêm yết bản sao bản án tại UBND nơi thường trú.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- VKSND thành phố Hưng Yên.
- CA thành phố Hưng Yên.
- Bị cáo và người bị hại, Người có QLNVLQ.
- Phòng kiểm tra & THA TAND tỉnh Hưng Yên
- UBND nơi bị cáo thường trú
- Lưu HS

Đỗ Quang Lịch